

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các trang thiết bị nội thất phục vụ hoạt động thường xuyên tại Bệnh viện, chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Bà Nguyễn Thu Phương, Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị- Quản trị,
Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0868.419.188. Email:
ntphuongbvdhyhn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 01 tháng 08 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 12 tháng 08 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày tháng năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển:

- Giao hàng hóa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định.

- Địa điểm nhận hàng: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

3. Thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

- Giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: bằng số lượng thực tế nhà thầu đã thực hiện nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn sau khi Bên A nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ:

<https://script.google.com/macros/s/AKfycbxyzGA5zjYrFknvmWOXNEKMYVoa3V5xFXaJOtU4iKSxZ5-xvp31zHI7qruNUQF8i-sNdA/exec> hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

Tài khoản truy cập guest@123 mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTB-QT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Bình



PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số 1915/TB-BVĐHYHN ngày 01 tháng 08 năm 2024)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
	Công ty <u>phải</u> lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như <u>Mẫu 1</u> tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng
- Bệnh viện đánh giá giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - <u>do công ty tự kê khai</u> – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh. - Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn. - Trường hợp hàng hóa công ty chào <u>không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu</u> <u>Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá</u> và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và nhu cầu sử dụng của Bệnh viện.			

PHỤ LỤC 02

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số 1915/TB-BVĐHYHN ngày 01 tháng 08 năm 2024)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)			Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật		
..	...	...	Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể
..	...	...		
..	...	...		

Mẫu 2: Bảng chào giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho hàng hoá như sau:

1. Báo giá các danh mục hàng hoá

STT TB mời chào giá	Danh mục hàng hoá ⁽¹⁾	Ký, mã, nhãn hiệu ⁽²⁾	Mã HS ⁽³⁾	Hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Xuất xứ ⁽⁵⁾	Số lượng ⁽⁶⁾	Quy cách ⁽⁷⁾	Đơn vị tính ⁽⁸⁾	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, VAT (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (%)	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽¹¹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹²⁾ (VND)	Tiêu chẩn ⁽¹³⁾
1	Hàng hoá A												
2	Hàng hoá B												
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày....tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác: không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của danh mục hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁴⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hoá” trong Yêu cầu báo giá.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể ký hiệu, mã hiệu của mục đồ vải tương ứng ghi tại cột “Danh mục hàng hoá”.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hạng mục hàng hoá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của mục hàng hoá tương ứng ghi tại cột “Danh mục hàng hoá”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của hàng hoá

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách đóng gói của hàng hoá

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của hàng hoá

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như vận chuyển, bảo quản, ...; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng mục hàng hoá

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng mục hàng hoá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng mục hàng hoá. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng mục đồ vải (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(13) Công ty liệt kê (các) tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ưu tiên liệt kê tiêu chuẩn cao trước, thấp hơn sau) ...; trường hợp có các tiêu chuẩn đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.

(14) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải

gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 03

Bảng mô tả thông số, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hoá
(Kèm theo Thông báo số 1915/TB-BVĐHYHN ngày 01 tháng 08 năm 2024)

Tên phần	STT theo phần	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần I - Nội thất	P1.1	1	Bàn làm việc bác sỹ, trưởng, phó khoa, bàn họp giao ban, bàn tiếp khách	Gỗ công nghiệp MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate, màu theo mẫu phê duyệt. Các góc của bàn được bo tròn tránh bị sắc nhọn, có soi rãnh chạy đèn led xung quanh, công tắc cảm biến nhấn mở. Hoàn thiện theo thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m2	150
Phần I - Nội thất	P1.2	2	Bàn trà tròn	Kích thước: D500 x H500mm (± 5 mm) Chất liệu: Chân gỗ tự nhiên nhám 4 đã qua tẩm sấy chống mối mọt và cong vênh. Mặt bàn gỗ Plywood siêu chịu nước phủ Veneer, hoàn thiện sơn PU cao cấp màu theo mẫu duyệt. Hoàn thiện theo chi tiết thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	45
Phần I - Nội thất	P1.3	3	Ghế xoay	Kích thước W590 x D540 x H(925-1050)mm (± 5 mm) Phần chân ghế thiết kế các bánh xe xoay. Chân ghế hình mũi khế 5 cánh nhằm giữ chắc phần khung ghế và người ngồi. Khung tựa được làm từ nhựa bọc chất lượng cao Thiết kế của ghế có phần lưng vòm Phần đệm ngồi được bọc mút vải lưới xốp Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	150
Phần I - Nội thất	P1.4	4	Ghế trưởng khoa, phó khoa	Kích thước W650 x D750 x H(1130-1120)mm (± 5 mm) Chất liệu: Đệm tựa bọc da hoặc da công nghiệp hoặc PVC, tay hợp kim nhôm. Chân thép mạ, đệm tựa có các đường may trang trí, có tựa đầu. Chân ghế có bánh xe, bát có chức năng điều chỉnh độ cao cần hơi. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	10
Phần I - Nội thất	P1.5	5	Ghế họp	Kích thước: W380xD690xH990 mm (± 5 mm) Chân quỳ khung thép mạ Chân tĩnh làm bằng thép mạ sáng bóng, chắc chắn Tay thép mạ, ốp nhựa uốn cong. Ghế họp chân quỳ có đệm tựa mút bọc da thật hoặc da công nghiệp hoặc PVC mang lại cảm giác êm ái cho người ngồi. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	100
Phần I - Nội thất	P1.6	6	Ghế gấp	Kích thước: W470x D515x H890 mm (± 5 mm) Chất liệu: Khung thép, chân khung ống thép D $\geq$ 22mm Đệm tựa mút bọc PVC, ghế có thể gấp lại tiện dụng. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	500
Phần I - Nội thất	P1.7	7	Ghế băng chờ 5 chỗ	Kích thước: W600x D2243x H800 mm (± 5 mm) Mặt ngồi, lưng ghế được làm từ chất liệu nhựa cao cấp, có độ bóng, độ cứng bề mặt cao, hạn chế trầy xước, màu sắc xanh lam và đỏ đan xen. Tựa lưng đàn hồi. Phần chân và khung ghế bằng sắt bề mặt sơn tĩnh điện. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	150

7

Tên phần	STT theo phần	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần I - Nội thất	P1.8	8	Ghế băng chờ 3 chỗ	Kích thước: W600x D1325x H800 mm (± 5 mm) Mặt ngồi, lưng ghế được làm từ chất liệu nhựa cao cấp, có độ bóng, độ cứng bề mặt cao, hạn chế trầy xước, màu sắc xanh lam và đỏ đan xen. Tựa lưng đàn hồi. Phần chân và khung ghế bằng sắt bề mặt sơn tĩnh điện. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	100
Phần I - Nội thất	P1.9	9	Tủ Lavabo (không bao gồm vòi, chậu)	Chất liệu: Khung thùng gỗ nhựa phủ Laminate, dày ≥ 18 mm, liệu aluminium dày ≥ 3 mm, theo mẫu phê duyệt, bo cong phần hông tránh sắc nhọn. Chân inox cao 100-120mm, dày 1-1,5mm. Hoàn thiện theo thiết kế. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m2	100
Phần I - Nội thất	P1.10	10	Gương soi	Gương dày ≥ 5 mm, mài xiết cạnh có khung viền dạng khung tranh bằng MDF chống ẩm, hoàn thiện Laminate dày ≥ 18 mm. Hoàn thiện theo thiết kế.	m2	50
Phần I - Nội thất	P1.11	11	Tủ áo, tủ thuốc, tủ thấp, tủ tài liệu	Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện Khung thùng gỗ công nghiệp MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate, dày ≥ 18 mm, hậu tủ dày ≥ 6 mm, màu theo mẫu phê duyệt. Cánh kính khung nhôm định hình màu vàng bóng, kính cường lực màu trà ≥ 5 mm, có đèn led trang trí, công tắc cảm biến nhấn mở. Chân tủ bằng inox cao 100-120mm dày 1-1,5mm Hoàn thiện theo thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m2	1000
Phần I - Nội thất	P1.12	12	Ghế kết hợp tủ	Kích thước: W400x D1700x H500 mm (± 5 mm) Chất liệu: gỗ công nghiệp MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate, khung thùng, cánh tủ dày ≥ 18 mm, hậu tủ dày ≥ 6 mm, trên có mặt đệm bọc nỉ, mã màu theo mẫu phê duyệt. Chân inox cao 100-120mm dày 1-1,5mm. Hoàn thiện theo thiết kế. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	500
Phần I - Nội thất	P1.13	13	Giá sắt để vật tư	Kích thước: W2030xD4570xH2000 mm (± 5 mm) Giá sắt 2 khoang sắt sơn tĩnh điện màu ghi. Giá được liên kết bởi hệ thống vít xoắn tiện dụng. Giá thép đa năng 2 khoang, 5 tầng, các đợt cố định. Thanh trụ thép hộp Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	35
Phần I - Nội thất	P1.14	14	Giá trang trí	Kích thước: W300x D1400x H450 mm (± 5 mm) Chất liệu: gỗ công nghiệp MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate, khung thùng dày ≥ 18 mm, hậu tủ dày ≥ 6 mm hai đầu bo cong, mã màu theo mẫu phê duyệt. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	50
Phần I - Nội thất	P1.15	15	Ghế sofa	Chất liệu: Khung gỗ tự nhiên nhóm 5, đảm bảo không cong vênh, mối mọt. Đệm mút, hoàn thiện nỉ, màu sắc theo mẫu phê duyệt, Chân Inox SUS304 mạ PVD Hoàn thiện theo thiết kế. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	100

Tên phần	STT theo phần	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần I - Nội thất	P1.16	16	Quầy lễ tân	Chất liệu: Mặt quầy sử dụng gỗ MDF chống ẩm phủ Laminat kết hợp đá Marble trắng vân mây dày ≥ 18 mm. Khung thùng, cánh tủ sử dụng gỗ MDF chống ẩm phủ Laminat dày ≥ 18 mm, màu theo mẫu phê duyệt. (đã bao gồm mặt đá, tủ), đèn led chạy xung quanh cả phần trên mặt và dưới chân, công tắc nhấn mở cho đèn led. Hoàn thiện theo thiết kế. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	200
Phần I - Nội thất	P1.17	17	Chậu rửa mặt (không bao gồm vòi)	Kích thước: W365xD528xH185 mm (± 5 mm) Chất liệu: Sứ trắng men, chống bám bẩn, lau rửa dễ dàng Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	40
Phần I - Nội thất	P1.18	18	Ổng xả nước co chữ P	Chất liệu: Đồng mạ Ni-Cr, loại chữ P, kích thước: dài 308mm (± 10 mm) Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	100
Phần I - Nội thất	P1.19	19	Đá ốp	Đá trắng vân mây khổ 600mm, dày 18-20mm mài xiết cạnh Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m ²	50
Phần I - Nội thất	P1.20	20	Rèm y tế	Chất liệu: 100% polyester, độ co giãn từ 180% đến 200%, may định hình. Thanh ray nhôm bi trượt treo rèm Rèm khổ 2,8m (± 10 mm) Màu sắc: Theo catalogue Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	300
Phần I - Nội thất	P1.21	21	Bộ Thanh treo rèm	Inox hộp 30x30mm (± 2 mm). Chất liệu: Inox 201, gồm cả ti treo. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	450
Phần I - Nội thất	P1.22	22	Rèm cầu vồng	Rèm cuốn 2 lớp, chất liệu sợi vải tổng hợp, voan lấy sáng. Chất liệu cản nhiệt, độ cản sáng từ 70% -85%. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m ²	200
Phần I - Nội thất	P1.23	23	Kính ốp	Kính cường lực mài cạnh dày ≥ 8 mm, màu theo mẫu được duyệt Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m ²	50
Phần I - Nội thất	P1.24	24	Tủ lạnh 170L	Kích thước: W526xD584xH1278 mm (± 10 mm) Dung tích ≥ 170 lít Dòng điện: 220V/50Hz/1,5A Chất liệu khay ngăn: Kính chịu lực Công suất tiêu thụ công bố theo TCVN: khoảng 0.92 kW/ngày. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	50
Phần I - Nội thất	P1.25	25	Tủ lạnh 45L	Kích thước: W445xD468xH490 mm (± 10 mm) Dung tích ≥ 45 lít Dòng điện: 220V/50Hz/1,5A Chất liệu khay ngăn lạnh: Kính chịu lực Mức tiêu thụ điện năng: Công suất tiêu thụ công bố theo TCVN: khoảng 0.48 kW/ngày. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	30

Tên phần	STT theo phần	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần I - Nội thất	P1.26	26	Máy hút ẩm 16L	Kích thước: W282xD483xH195 mm (±5mm) Công suất hút ẩm: ≥16 lít /24 giờ Công suất: ≥255W Diện tích sử dụng: 30-50m2 Bồn chứa nước thải: ≥3 lít Nguồn điện: 220V / 50Hz Dung tích bình chứa: ≥ 2 lít Bảng điều khiển: nút bấm Chất liệu vỏ máy: ABS Công nghệ: hút ẩm ngưng tụ Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	50
Phần I - Nội thất	P1.27	27	Khóa từ (tủ thuốc)	Kích thước: W55xD110xH20mm (±5mm) Khóa mở bằng vân tay, mặt khóa hoặc xác thực bằng cả mặt khóa và vân tay. Chất liệu: Hợp kim không gỉ. Sử dụng: 4 pin AA 1.5V hoặc sạc Độ dài mã: 4-15 số. Khóa lưu trữ ≥50 vân tay, ≥200 mã số Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	100
Phần I - Nội thất	P1.28	28	Ổ điện đa năng	Kích thước: W130xD145xH78 mm (±5mm) Nhiệt độ: +20~+60 (°C) Nguồn điện: 110~220 (V) Công suất định mức: ≥2000W ≥ 2 ổ cắm, ≥2 cổng LAN, cổng VGA, cổng usb, cổng audio 3.5mm, cổng audio 6.5mm Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	20
Phần I - Nội thất	P1.31	29	Vòi chậu rửa thông thường	Chất liệu inox 30, cơ chế xoay 360 độ. Dây cấp chân ren ≤21mm, lỗ lắp vòi phi 34mm (±2mm). Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	100
Phần I - Nội thất	P1.32	30	Ghế tròn inox	Khung ghế đôn bằng inox Đệm ghế bằng mút bọc PVC, màu sắc đệm theo mẫu phê duyệt. Ghế có thể xếp chồng lên nhau khi không sử dụng.	cái	1000
Phần I - Nội thất	P1.33	31	Thanh chống va đập	Thanh chống va đập kích thước W160 x H40mm (±3mm), bo cong 2 đầu thuận tiện cho người bệnh bám và tập đi. Chất liệu: Gỗ MDF chống ẩm phủ Laminate, chi tiết theo bản vẽ thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	1.000
Phần I - Nội thất	P1.34	32	Cút nối góc	Cút tay vịn xử lý góc nhon kích thước W40 x D40 x H160mm (±3mm). Chất liệu gỗ plywood chống ẩm, bo cong hai đầu son PU cao cấp, màu tương đồng màu tay vịn chống va đập. Chi tiết theo bản vẽ thiết kế. Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	500
Phần I - Nội thất	P1.35	33	Chân tường inox	Kích thước: W1x D15 x H100 mm (±3mm) Chất liệu Inox sus 304. Chi tiết theo bản vẽ thiết kế. Bao gồm vận chuyển, các cút nối góc kèm theo và lắp đặt hoàn thiện	md	2000

Tên phần	STT theo phần	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần I - Nội thất	P1.36	34	Giấy dán tường	Bề rộng $\geq 105\text{cm}$, bề mặt tráng nhựa, có họa tiết và màu theo mẫu phê duyệt, Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m2	1000
Phần I - Nội thất	P1.37	35	Vách background, vách đầu giường phòng lưu bệnh nhân vip	Chất liệu: làm bằng PVC cao cấp vân gỗ $\geq 8\text{mm}$, form cao su $\geq 3\text{mm}$, kết hợp xương gỗ MDF chống ẩm và khung xương sắt đan ô $\leq 600 \times 600\text{ mm}$ Có khung viền và đèn led trang trí, có công tắc nhấn mở. Hoàn thiện theo thiết kế	m2	300
Phần I - Nội thất	P1.38	36	Logo	Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện Gồm Logo bệnh viện, tên khoa tiếng anh, tiếng việt Chất liệu Mica $\geq 5\text{mm}$ Màu sắc theo mẫu chung của bệnh viện, cỡ chữ và số lượng chữ theo tên các Khoa - Phòng của Bệnh viện, hoàn thiện theo mẫu thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	bộ	15
Phần I - Nội thất	P1.39	37	Nhà container	Kích thước: W12000 x D3300 x H2900mm ($\pm 10\text{cm}$) Vỏ Container: đóng mới, chịu lực, chống cao được nhiều tầng Sàn: Bên dưới bằng các thanh dầm $\geq 3,2\text{mm}$, dầm ngang $\geq 2,3\text{mm}$ và dầm sắt hộp $\geq 25 \times 50\text{mm}$, bên trên bằng gỗ phù phiếm dày $\geq 1,8\text{cm}$. Bề mặt sàn làm sàn nhựa giả gỗ loại dày $\geq 4\text{mm}$ có hèm khóa. Tường & Trần: Thiết kế khung thép mạ kẽm sắt hộp $\geq (14 \times 14 \times 1,5)\text{mm}$, bên trong lót xốp cách nhiệt dày $\geq 4\text{cm}$, Bên ngoài ốp nhựa cứng dày $\geq 9\text{mm}$. Vách ngăn: Các vách ngăn được tạo bởi khung sắt hộp và ốp nhựa 2 mặt, quy cách: (rộng 11 x cao 2,2)m. $\pm 5\text{cm}$ Cửa ra vào: 04 cửa đi chính 1 cánh làm bằng nhôm hệ Xingfa hoặc tương đương, lắp kính dán 2 lớp dày $\geq 6,38\text{mm}$. Kích thước: $\geq (\text{rộng } 0,9 \times \text{cao } 2,2)\text{mm}$. Cửa sổ: 08 cửa sổ 2 cánh, nhôm hệ Xingfa hoặc tương đương, kính dán 2 lớp dày $\geq 6,38\text{mm}$. Kích thước: $\geq (\text{rộng } 1,1 \times \text{cao } 1,35)\text{m}$. Hệ thống điện: Dây dẫn và ổ cắm âm tường, dây ánh sáng $\geq (2 \times 0,75)\text{mm}$, dây ổ cắm $\geq (2 \times 2,5)\text{mm}$, dây chờ điều hòa $\geq (2 \times 2,5)\text{mm}$, dây điện tổng $(2 \times 4)\text{mm}$, đèn chiếu sáng 3 hàng bóng âm trần tròn, 01 quạt thông gió, Ổ cắm: 12 ổ cắm điện đôi, 02 công tắc đèn, bên trong có tủ tổng và các Attomat cần thiết Sơn: Vỏ container được sơn mới 01 lớp sơn chống rỉ sét, 01 lớp sơn lót, 01 lớp sơn phủ bên ngoài, màu sơn theo mẫu phê duyệt. Ban công: Phần ban công $\geq (\text{Dài } 12\text{m} \times \text{Rộng } 1\text{m})$ theo thiết kế được đan bởi sắt hộp mạ kẽm và bần tấm bê tông siêu nhẹ dày $\geq 14\text{ mm}$ đảm bảo chắc chắn. Lan can: Được làm bằng sắt hộp $\geq 50 \times 50\text{mm}$ Bên ngoài sơn 1 lớp sơn màu theo mẫu phê duyệt. Hoàn thiện theo thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	bộ	4
Phần I - Nội thất	P1.40	38	Cầu thang cho container	Kích thước: W1000 x D16 mm ($\pm 10\text{mm}$) Tay vịn thép mạ kẽm $\geq$ phi 30 mm, hai bên hông thang thép tấm $\geq W150 \times D8\text{ mm}$. Phần khung đáy thang làm bằng thép hộp $\geq 50 \times 50\text{mm}$, phần bậc thang làm bằng tôn nhám $\geq 2\text{mm}$ chống trượt đảm bảo chắc chắn, phần đỡ thang ở diện ngang dùng dùm thép $V \geq 50 \times 50\text{ mm}$. Hoàn thiện theo thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m2	50

2

Tên phần	STT	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng
Phần II - Vách, nhà vệ sinh di động	P2.1	39	Vách kính cường lực	Chất liệu kính cường lực dày $\geq 12\text{mm}$. Chỉ tiết theo bản vẽ thiết kế Bao gồm bộ phụ kiện, vận chuyển và lắp đặt hoàn thiện	m ²	200
Phần II - Vách, nhà vệ sinh di động	P2.2	40	Cửa nhôm kính	Chất liệu Nhôm hệ xingfa hoặc tương đương. Cánh mở quay, kính an toàn $\geq 6,38\text{mm}$, bản lề cối 4D, khóa điểm, chốt cánh phụ. Có hàn khung sắt mạ kẽm để tạo độ cứng chắc cho cánh cửa. Chỉ tiết theo bản vẽ thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	m ²	300
Phần II - Vách, nhà vệ sinh di động	P2.3	41	Vách panel PU	Vách panel PU tôn, độ dày $\geq 50\text{mm}$, Tôn dày $\geq 0.5/0.5\text{ mm}$, tỉ trọng PU $\geq 48\text{kg/m}^3$. Chỉ tiết hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. Bao gồm vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	m ²	2000
Phần II - Vách, nhà vệ sinh di động	P2.4	42	Nhà vệ sinh di động ngoài trời	Kích thước: W2000xD3400xH3050 mm ($\pm 50\text{mm}$) Móng hình kim cương, sàn kết cấu thép, nền lót gạch ceramic kích thước: $\geq 600 \times 600\text{mm}$. Vách ngoài cabin làm bằng khung thép mạ hợp kim nhôm kẽm, ốp ultra panel hợp kim. Vách trong ốp gạch Ceramic kích thước: $\geq 300 \times 600\text{mm}$, trần nhựa lam sóng. Nhà vệ sinh bao gồm: Lavabo, hộc tủ, gương gắn đèn led cảm biến, bồn cầu treo, sen tắm nóng lạnh inox 304, bình nước nóng gián tiếp, cửa ra vào và cửa sổ nhôm hệ Xingfa hoặc tương đương, thiết bị điện, ống đầu nổi cấp thoát nước. Hoàn thiện theo thiết kế. Bao gồm vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	bộ	20
Phần III - Đệm, giường gấp, ghế đa năng	P3.1	43	Đệm giường bệnh nhân	Kích thước: W1900xD845xH80 mm ($\pm 3\text{mm}$) Đệm mút xốp PE cao cấp, vỏ đệm làm bằng vải giả da Simili có thể gấp 2 hoặc 3 theo yêu cầu. Đường may cân đối, các góc cạnh bo đẹp, phẳng, da không bị bong tróc, nổ trong quá trình sử dụng. Đệm không bị lún bẹp trong quá trình sử dụng. Bao gồm vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	cái	500
Phần III - Đệm, giường gấp, ghế đa năng	P3.2	44	Giường khám	Kích thước: W600x D1800x H550 mm ($\pm 5\text{ mm}$) Chất liệu: gỗ công nghiệp MDF chống ẩm hoàn thiện Laminare, khung thùng, cánh tủ dày $\geq 18\text{mm}$, hậu tủ dày $\geq 6\text{mm}$, mã màu theo mẫu phê duyệt. Chân inox cao 100-120mm dày 1-1,5mm. Chỉ tiết theo bản vẽ thiết kế Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	md	50
Phần III - Đệm, giường gấp, ghế đa năng	P3.3	45	Ghế đa năng	Kích thước: Gập vào: W610xD760xH940 ($\pm 5\text{mm}$) - Mở ra: W610xD1850xH600 ($\pm 5\text{mm}$) Được làm bằng da y tế chuyên dụng, có khả năng chống ăn mòn, chống tia cực tím và đặc tính chống lão hóa, chống mài mòn và độ bền cao, chống nấm mốc, chống vi khuẩn, chống vi sinh vật gây hại và chống vi-rút, khả năng chống thấm nước 100%. Khả năng chống bám bẩn và dễ lau chùi; Đệm ghế: Được làm bằng xốp chất lượng cao với mật độ $\geq 40\text{kg/m}^3$, độ bền kéo $\geq 90\text{kPa}$, độ giãn dài $\geq 130\%$, độ đàn hồi $\geq 35\%$. Chân ghế: Sử dụng ống thép cán nguội có đường kính $\geq 38\text{mm}$ và độ dày thành $\geq 1,5\text{mm}$. Bề mặt được phun sơn. Bề mặt tay vịn: Veneer tự nhiên phun PU, mật độ đạt $\geq 60\text{kg/m}^3$, độ bền kéo $\geq 90\text{kPa}$, độ giãn dài $\geq 130\%$. Hoàn thiện theo bản vẽ phối cảnh Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện.	cái	100

Tên phần	STT	STT	Tên hàng hoá/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần IV - Âm thanh quay	P4.1	46	Tivi 65 inch	Kích thước: W1450 x H870 x D280 (± 5) mm Kích cỡ màn hình: 65 inch Độ phân giải: ≥4K - Ultra HD (3840 x 2160) pixels Tần số quét thực: ≥60 Hz Công xuất âm thanh: Công Optical, công Earc Bluetooth: Có (Loa, chuột, bàn phím) Kết nối internet: Công Wifi Công HDMI: ≥3 cổng USB: ≥1 cổng Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	50
Phần IV - Âm thanh quay	P4.2	47	Tivi 43 inch	Kích thước: W960xH630xD240 (± 5) mm Kích cỡ màn hình: 43 inch Độ phân giải: ≥4K - Ultra HD (3840 x 2160) pixels Kết nối internet: Công Wifi Công HDMI: ≥3 cổng USB: ≥1 cổng Công xuất âm thanh: Công Optical, công Earc Bao gồm vận chuyển, phụ kiện và lắp đặt hoàn thiện	cái	50
Phần IV - Âm thanh quay	P4.3	48	Loa âm trần	Công suất: ≥ 5w Trở kháng định mức : ≥ 1600 Ω Đường kính loa: ≥ 150mm Bao gồm phụ kiện, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	cái	30
Phần IV - Âm thanh quay	P4.4	49	Âm ly	Nguồn đầu vào: ≥ 10V Công suất định mức đầu ra: ≤ 30W Giắc cắm đầu vào: ≥ 2 Bao gồm phụ kiện, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	cái	30
Phần IV - Âm thanh quay	P4.5	50	Nguồn cho Micro	Đầu vào AC 220V - 50Hz Đầu ra ≥48V - ≥1,5A Bao gồm phụ kiện, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	thiết bị	30
Phần IV - Âm thanh quay	P4.6	51	Micro cổ ngỗng	Micro tụ điện một hướng để bàn Độ nhạy: ≥ 0.5 mV @ 85 dB SPL (2 mV/Pa). Mức âm thanh vào tối đa: ≥ 110 dB SPL. Chiều dài thân với micro: ≥ 350mm. Nguồn điện: 12 - 48V. Bao gồm phụ kiện, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.	cái	30
Phần IV - Âm thanh quay	P4.7	52	Dây tín hiệu loa chống nhiễu	Kích thước ≥ 2x1.5mm	m	1000
Phần IV - Âm thanh quay	P4.8	53	Ống ghen cứng	Kích thước ≥ D20 mm, đi chìm	m	1000
Phần IV - Âm thanh quay	P4.9	54	Cút nối	Kích thước ≥ D20 mm	cái	1000
Phần IV - Âm thanh quay	P4.10	55	Càng cua	Kích thước ≥ D20 mm	cái	1000
Phần IV - Âm thanh quay	P4.11	56	Cốc chia ngã 2	Kích thước ≥ D20 mm	cái	500

9 NỘI

3